

Số: 47 /2017/TT-BYT

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2017

THÔNG TƯ

**Ban hành Danh mục hoạt chất cấm sử dụng và hạn chế
phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn
dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế tại Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế,

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư ban hành Danh mục hoạt chất cấm sử dụng và hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế tại Việt Nam.

Điều 1. Danh mục hoạt chất

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục số 01 Danh mục hoạt chất cấm sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế tại Việt Nam.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục số 02 Danh mục hoạt chất hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế tại Việt Nam.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2018.

2. Thông tư số 25/2011/TT-BYT ngày 23 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Danh mục các hóa chất được phép đăng ký để sử dụng, được phép đăng ký nhưng hạn chế sử dụng và cấm sử dụng tại Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Các chế phẩm dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế có sử dụng các hoạt chất quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư này đã được cấp giấy phép lưu hành trước ngày Thông tư này có hiệu thi hành thì chỉ được quảng cáo sản phẩm theo đúng phạm vi tác dụng đã được ghi trên giấy phép lưu hành. Trường hợp muốn quảng



cáo mở rộng phạm vi tác dụng quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư này, phải thực hiện việc đăng ký bổ sung theo quy định của Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

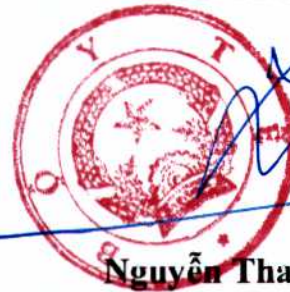
Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng y tế ngành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành các quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế để xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Công thông tin điện tử Chính phủ);
- Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội (để b/c);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế (để biết);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, MT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Long

Phụ lục số 01

DANH MỤC HOẠT CHẤT CẤM SỬ DỤNG TRONG CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN TRONG LĨNH VỰC GIA DỤNG VÀ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 47 /2017/TT-BYT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên hoá chất	CAS number
1.	Aldrin	309-00-2
2.	Alpha hexachlorocyclohexane	319-84-6
3.	Benzene hexachloride(BHC)	89609-19-8
4.	Cadmium compound	
5.	Chlordance	57-74-9
6.	Dichlorodiphenyltrichloroethane (DDT)	50-29-3
7.	Dichlovos	62-73-7
8.	Dieldrin	60-57-1
9.	Endrin	72-20-8
10.	Heptachlor	76-44-8
11.	Hexachlorobenzene	118-74-1
12.	Isobenzen	297-78-9
13.	Isodrin	465-73-6
14.	Hợp chất Chi	
15.	Lindane	58-89-9
16.	Methamidophos	10265-92-6
17.	Methyl Parathion	298-00-0
18.	Mirex	2385-85-5
19.	Monocrotophos	6923-22-4
20.	Naphthalene	91-20-3
21.	Paradichlorobenzene (1,4-Dichlorobenzene, p-DCB)	106-46-7
22.	Parathion Ethyl	56-38-2
23.	Pentachlorophenol (PCP) và các muối của hoá chất này	
24.	Perflurooctan sulfonic acid và các muối hoá chất này	
25.	Phosphamidon	13171-21-6
26.	Polychlorinated Biphenyls (PCB)	1336-36-3
27.	Strobane	8001-50-1
28.	Technical endosulfan và các đồng phân	
29.	Toxaphen	8001-35-2
30.	Chlordecone	143-50-0
31.	Chế phẩm sinh học diệt côn trùng, diệt khuẩn (trừ vi khuẩn: Bacillus thuringiensis israelensis (Bti))	

mmul

Phụ lục số 02
DANH MỤC HOẠT CHẤT HẠN CHẾ PHẠM VI SỬ DỤNG
TRONG CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN TRONG
LĨNH VỰC GIA DỤNG VÀ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số: **47** /2017/TT-BYT ngày **22** tháng **12** năm **2017** của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên hoá chất	Cas-number	Quy định sử dụng
1.	Agnique™ MMF	52292-17-8	Không dùng để diệt côn trùng trong nước ăn uống và nước sinh hoạt
2.	Bromchlophos	53095-31-1	Chỉ phun dạng ULV để diệt ruồi ngoài nhà
3.	Fenitrothion	122-14-5	Chỉ phun dạng ULV để diệt ruồi, muỗi, gián ngoài nhà
4.	Malathion	121-75-5	Chỉ phun dưới dạng ULV để diệt muỗi sốt xuất huyết
5.	Novaluron	116714-46-6	Không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt
6.	Pyriproxyfen	95737-68-1	Không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt
7.	Diflubenzuron	35367-38-5	Không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt
8.	Temephos	3383-96-8	Không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt
9.	Methoprene	53092- 52-7	Không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt
10.	Trichlofon	66758-31-4 52-68-6	Chỉ phun diệt ruồi ngoài nhà và làm môi diệt ruồi
11.	Dimethyl phthalate	84-66-2	Nồng độ sử dụng dưới 30%, không sử dụng cho trẻ em dưới 4 tuổi
12.	Diethyl toluamid	134-62-3	Không sử dụng cho trẻ em dưới 4 tuổi
13.	Bacillus thuringiensis israelensis (Bti)		Không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt

Meeal